

Số: 15/NQ-HĐND

Sông Mã, ngày 18 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nguồn vốn
ngân sách huyện, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 27/7/2017 của HĐND huyện Sông Mã về việc kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn bổ sung cân đối ngân sách huyện và nguồn ngân sách tỉnh ủy quyền hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ (*Hỗ trợ các xã biên giới Việt Nam - Lào theo Quyết định số 160/QĐ-TTg*);

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của HĐND huyện Sông Mã về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 vốn Chương trình mục tiêu quốc gia và nguồn ngân sách tỉnh ủy quyền hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ (*Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới*);

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của HĐND huyện Sông Mã về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 vốn Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét Tờ trình số 1174/TTr-UBND ngày 29/11/2019 của UBND huyện Sông Mã; Báo cáo thẩm tra số 62/BC-KTXH ngày 13/12/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; Tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 nguồn vốn ngân sách huyện, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia với những nội dung sau:

1. Nguồn vốn

Tổng nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 ngân sách huyện, Chương trình mục tiêu quốc gia là **393.402,384** triệu đồng (*Tăng 37.238,384 triệu đồng so*

với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2018, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của HĐND huyện Sông Mã). Cụ thể:

- Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện: 85.183 triệu đồng.
- Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ (*Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới*): 10.000 triệu đồng.
- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: 95.378 triệu đồng.
- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: 202.841,384 triệu đồng (*Tăng 37.238,384 triệu đồng so với Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 14/12/2018, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 27/6/2019 của HĐND huyện Sông Mã*).

2. Phương án điều chỉnh

Tổng số vốn điều chỉnh **45.354,489** triệu đồng. Cụ thể như sau:

2.1. *Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện*: 1.340,853 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 1.340,853 triệu đồng của 06 công trình.
- Điều chỉnh tăng 1.340,853 triệu đồng cho 04 công trình.

2.2. *Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện thực hiện nhiệm vụ (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới)*: 262,796 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 262,796 triệu đồng của 01 công trình.
- Điều chỉnh tăng 262,796 triệu đồng cho 01 công trình.

2.3. *Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*: 555,943 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 555,943 triệu đồng của 06 công trình.
- Điều chỉnh tăng 555,943 triệu đồng của 03 công trình.

2.4. *Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: 43.194,897 triệu đồng.

- Điều chỉnh giảm 4.934,897 triệu đồng của 14 công trình.
- Điều chỉnh tăng 42.173,281 triệu đồng cho 21 công trình.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND và các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được HĐND huyện Sông Mã khoá XX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 18/12/2019 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua./

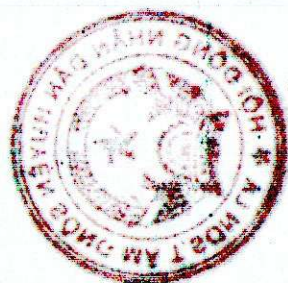
Nơi nhận: 

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Tài chính;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND, Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, TCKH, 142 bản.



CHỦ TỊCH

Lò Văn Sinh





DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN GIAI ĐOẠN 2016-2020 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH HUYỆN, NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 18/12/2019 của HĐND huyện Sông Mã)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020																Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh				Kế hoạch vốn điều chỉnh								Kế hoạch vốn sau điều chỉnh				
									Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới		Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)		Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện		Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện				
													Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng							
TỔNG SỐ						189.467,352	88.046,628	19.609,889	33.864,371	4.000,000	30.572,368	555,943	555,943	4.934,897	42.173,281	262,796	262,796	1.340,853	1.340,853	19.609,889	71.102,755	4.000,000	30.572,368		
1	Các dự án điều chỉnh giảm						74.240,775	50.737,893	9.344,889	22.920,371	753,000	17.719,633	555,943		4.934,897		262,796		1.340,853		8.788,946	17.985,474	490,204	16.378,780	
1	Trường tiểu học bán Mè xã Nà Nghịu (điểm Trung tâm bán Mè)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	Cấp III, 02 tầng, 06 phòng	2018-2019	825-24/4/2018	4.109,814	4.064,814	4.064,814				252,383							3.812,431					
2	Nhà lớp học tiểu học Chiềng Phung (TT trường)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	Cấp III, 03 phòng	2018-2019	826-24/4/2018	1.479,075	1.458,075	1.458,075				101,176							1.356,899					
3	Trường tiểu học xã Bò Sinh (điểm trường Pắc Ma)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Bò Sinh	Cấp III, 03 phòng	2018-2019	827-24/4/2018	2.100,000	1.974,000	1.974,000				86,464							1.887,536					
4	Nhà văn hóa bán Hối Cát xã Chiềng Sơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2018-2019	830-24/4/2018	672,000	627,000	627,000				43,611							583,389					
5	Nhà văn hóa bán Luân xã Chiềng Sơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2018-2019	831-24/4/2018	661,000	616,000	616,000				35,283							580,717					
6	Nhà văn hóa bán Nong Lếch xã Nà Nghịu	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	Cấp III, 01 tầng	2018-2019	803-19/4/2018	650,000	605,000	605,000				37,026							567,974					
7	Thủy lợi bán Nà Pán xã Nà Nghịu	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nà Nghịu	8 ha	2018-2019	503-27/3/2018	1.412,388	1.350,000		1.350,000					69,828						1.280,172				
8	Thủy lợi phai bán Tía II (điểm cầu treo giữa bán) xã Đứa Mòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đứa Mòn	4ha	2018-2019	502-27/3/2018	1.565,431	1.440,000		1.440,000					85,388						1.354,612				
9	Nâng cấp thủy lợi phai Na Lao bán Chá xã Nậm Mẩn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	3,31 ha	2018-2019	501-27/3/2018	1.957,609	1.800,000		1.800,000					106,392						1.693,608				
10	Thủy lợi bán Nà Sáng xã Chiềng Phung	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	7,37 ha	2018-2019	963-02/5/2018	2.321,267	2.235,000		2.235,000					52,364						2.182,636				
11	Trường tiểu học xã Chiềng En (điểm Nà Bó)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng En	Cấp III, 02 phòng	2018-2019	962-02/5/2018	1.400,000	1.316,000		1.316,000					5,819						1.310,181				

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020																Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh				Kế hoạch vốn điều chỉnh								Kế hoạch vốn sau điều chỉnh				
									Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo		Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới		Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)		Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện						
													Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
12	Trường tiểu học Huổi Một (điểm trung tâm)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Huổi Một	Cấp III, 02 tầng, 06 phòng	2018-2019	498-27/3/2018	4.420,075	4.230,000		4.230,000					206,892						4.023,108				
13	Nhà văn hóa bán Nà Cẩn xã Chiềng Sơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4046-30/10/2018	740,703	510,000		510,000					0,803						509,197				
14	Nhà văn hóa bán Tia xã Đứa Mòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đứa Mòn	Cấp III, 01 tầng	2019-2020	4080-30/10/2018	790,000	537,000		537,000					537,000										
15	Nhà văn hóa bán Hua Thông xã Đứa Mòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đứa Mòn	Cấp III, 01 tầng	2020		790,000	545,000		545,000					545,000										
16	Thủy lợi Púng Hầy xã Nậm Mẩn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	2,9 ha	2020		1.500,000	1.410,000		1.410,000					1.410,000										
17	Thủy lợi phai Huổi Mui, bán Lon Săn xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	3,7 ha	2020		1.647,345	1.897,371		1.897,371					333,026						1.564,345				
18	Thủy lợi bán Nà Bon xã Chiềng Cang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	4,5 ha	2020		1.339,615	1.590,000		1.590,000					384,385						1.205,615				
19	Thủy lợi phai bán Pá Có xã Chiềng Khoang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Khoang	12 ha	2020		1.921,000	1.806,000		1.806,000					428,000						1.378,000				
20	Thủy lợi Phai Pang bán Cù xã Đứa Mòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đứa Mòn	3,6ha	2020		2.398,000	2.254,000		2.254,000					770,000						1.484,000				
21	Đường giao thông từ quốc lộ 12 đến trụ sở xã Yên Hưng	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Mặt đường bê tông, rộng 4m, dài 417m	2018-2019	3726-30/10/2017	1.890,000	753,000			753,000						262,796				490,204				
22	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Sông Mã (nhà làm việc 2 tầng và khuôn viên sau nhà)	UBND huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	Cải tạo sửa chữa	2015-2016	1484-22/8/2015	6.596,02	4.140,000			4.140,000								21,933			4.118,067			
23	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND, UBND xã Yên Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Cấp III, 03 tầng	2017-2019	2518-15/9/2016	8.870,86	5.026,633			5.026,633								300,001			4.726,632			
24	Nhà văn hóa xã Chiềng Cang	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 01 tầng	2018-2019	1759-10/7/2018	1.668,580	600,000			600,000								56,123			543,877			

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020																Ghi chú	
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh				Kế hoạch vốn điều chỉnh								Kế hoạch vốn sau điều chỉnh				
									Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo		Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới		Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)		Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện						
													Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng					
25	Đường giao thông từ đường Nậm Ty - Chiềng Phung đến trụ sở xã Chiềng Phung	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Phung	Mặt đường bê tông, rộng 3m, dài 622m	2018-2019	3727-30/10/2017	2.340,000	700,000				700,000							200,000					500,000	
26	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	Cấp III, 03 tầng	2019-2020	4098-30/10/2018	9.500,000	6.253,000				6.253,000							262,796					5.990,204	
27	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Mường Lầm	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	Cấp III, 03 tầng	2020-2021	3073-30/10/2019	9.248,299	1.000,000				1.000,000							500,000					500,000	
II	Các dự án điều chỉnh tăng						115.226,577	37.308,735	10.265,000	10.944,000	3.247,000	12.852,735		555,943		42.173,281		262,796		1.340,853	10.820,943	53.117,281	3.509,796	14.193,588	
1	Thủy lợi Phai Sút xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	10,5ha	2017-2018	2719-21/8/2017	4.440,198	3.746,000	3.746,000					342,677							4.088,677				
2	Thủy lợi bản bản Ta Lát xã Mường Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	10ha	2017-2018	2723-21/8/2017	2.791,400	2.334,000	2.334,000					123,000							2.457,000				
3	Thủy lợi bản Sàng xã Mường Lầm	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Lầm	29ha	2017-2019	2720-21/8/2017	4.930,617	4.185,000	4.185,000					90,266							4.275,266				
4	Trường tiểu học xã Mường Sai (điểm trung tâm)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	Cấp III, 02 tầng, 06 phòng	2018-2019	499-27/3/2018	4.498,648	4.230,000		4.230,000						77,164						4.307,164			
5	Trường tiểu học Phiềng Púng xã Mường Cai (điểm Huổi Hư)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 03 phòng	2018-2019	960-02/5/2018	2.100,000	1.974,000		1.974,000						21,000						1.995,000			
6	Trường tiểu học xã Mường Cai (điểm bản Nà Đôn)	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	Cấp III, 02 tầng, 06 phòng	2018-2019	961-02/5/2018	4.500,000	4.230,000		4.230,000						45,000						4.275,000			
7	Nhà văn hóa bản Phiềng Xa xã Chiềng Sơ	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 01 tầng	20019-2020	4042-30/10/2018	750,000	510,000		510,000						0,803						510,803			
8	Thủy lợi bản Long Tông, bản Co Mạ, bản Huổi, bản Cát xã Mường Hung	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	26 ha	2019-2020		9.541,000									8.587,000						8.587,000			
9	Nước sinh hoạt bản Huổi Ôi, bản Bua Xã xã Mường Hung	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Hung	126 hộ	2019-2020		4.400,000									3.960,000						3.960,000			
10	Thủy lợi bản Ô, bản Lon Sán, bản Buôn Ban xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	20 ha	2019-2020		7.367,000									6.630,000						6.630,000			

Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020																				
TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HTT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh				Kế hoạch vốn điều chỉnh						Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTFM)	Nguồn vốn bổ sung cần đối ngân sách huyện		Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTFM)	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			
											Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng								
11	Nước sinh hoạt bản Nà Hò, bản Kỳ Ninh, xã Mường Sai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Sai	215 hộ	2019-2020		4.400,000								3.960,000					
12	Thủy lợi bản Huổi Khe xã Mường Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	19 ha	2019-2020		3.650,000								3.285,000					
13	Nước sinh hoạt bản Huổi Hủa, bản Sải Khao, Nà Kham, Phường Púng, Nà Đôn xã Mường Cai	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Mường Cai	341 hộ + Trường THCS + Trường MN Hoa Đào + Trạm y tế xã	2019-2020		7.875,000								7.088,000					
14	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Hòa quả Tiến Cang	UBND xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	L = 0,6 km	2020		480,000								360,000					
15	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Co Kiếng	UBND xã Huổi Mốt	Xã Huổi Mốt	L = 1,2 km	2019		960,000								720,000					
16	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Toàn Thắng	UBND xã Nà Ngưu	Xã Nà Ngưu	L = 0,75 km	2019		600,000								450,000					
17	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Cây ăn quả Diễn Việt Cỏ Tre	UBND xã Chiềng Cang	Xã Chiềng Cang	L = 2,5 km	2020		1.988,000								1.490,000					
18	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Nhân Chín Sớm Báo Dương	UBND xã Yên Hưng	Xã Yên Hưng	L = 1 km	2019-2020		800,000								600,000					
19	Hỗ trợ làm đường giao thông nội đồng cho Hợp tác xã Hòa Núi	UBND xã Chiềng Khong	Xã Chiềng Khong	L = 1,9 km	2020		1.508,000								1.130,000					
20	Nhà văn hóa bản Cú xã Đũa Mòn	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Đũa Mòn	Cấp III, 01 tầng	2020		790,000								545,000					

Handwritten signature

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn giai đoạn 2016-2020																Ghi chú		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng cộng	Kế hoạch vốn trước khi điều chỉnh				Kế hoạch vốn điều chỉnh								Kế hoạch vốn sau điều chỉnh					
									Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)	Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo		Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới		Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)		Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo	Nguồn vốn CT MTQG xây dựng nông thôn mới	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ huyện (Hỗ trợ thực hiện chương trình MTQG XD NTM)		Nguồn vốn bổ sung cân đối ngân sách huyện	
													Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng						
21	Thủy lợi bán Thôn xã Chiềng Cang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	5,6 ha	2020		1.500,000									1.410,000							1.410,000			
22	Nhà văn hóa bán Lọng Lét xã Nậm Ty	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Ty	Cấp III, 01 tầng	2019-2020		790,000									537,000							537,000			
23	Nhà văn hóa bán Có xã Chiềng Cang	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 01 tầng	2020		750,000									430,000							430,000			
24	Nhà lớp học mầm non bán Lẹ, xã Yên Hưng	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Yên Hưng	Cấp III, 01 phòng	2020		900,000									847,314							847,314			
25	Nhà lớp học trường THCS xã Chiềng Sơ	UBND huyện Sông Mã	Xã Chiềng Sơ	Cấp III, 05 phòng	2015-2016	2306-08/10/2015	1.590,476	460,000				460,000								34,059					494,059	
26	Đường Lò Văn Giã (Từ đầu cầu treo đến ngã ba Quốc lộ 4G)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	0,74km	2017-2019	3206-31/10/2016	14.700,000	3.604,636				3.604,636								36,000					3.640,636	
27	Nhà lớp học trường tiểu học Có Tre xã Chiềng Cang (TT trường)	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Chiềng Cang	Cấp III, 04 phòng	2018-2019	3627-26/10/2017	2.200,000	1.908,339				1.908,339								90,000					1.998,339	
28	Đường Biên Hòa (Đoạn từ bến xe khách Sông Mã đến cầu Nà Hin) thị trấn Sông Mã	Ban QLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Thị trấn Sông Mã	Mặt đường bê tông, rộng 7,5m, dài 1.050 m	2018-2020	3635-30/10/2017	14.926,238	6.879,760				6.879,760								1.180,794					8.060,554	
29	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND-UBND xã Nậm Mẩn	BQLDA ĐTXD huyện Sông Mã	Xã Nậm Mẩn	Cấp III, 03 tầng	2019-2020	4098-30/10/2018	9.500,000	3.247,000			3.247,000							262,796						3.509,796		

Handwritten signature

